

TÌM HIỂU VỀ TÍNH PHI TUYẾN CỦA ÂM TIẾT TIẾNG VIỆT

Nguyễn Trần Quý*

TÓM TẮT

Cao Xuân Hạo cho rằng lý thuyết âm vị học truyền thống được khái quát từ cứ liệu của ngôn ngữ châu Âu. Âm vị học truyền thống xem âm vị là những khúc đoạn được cắt ra từ âm tiết. Ngược lại, Cao Xuân Hạo quan niệm theo ngữ âm học đương đại, cho rằng âm tiết tiếng Việt mang đặc điểm phi tuyến tính tức là không thể chia cắt âm tiết thành những đoạn nhỏ hơn. Việc khẳng định tính phi tuyến của âm tiết là một nhận định ngữ âm học chứ không phải kết luận âm vị học. Điều khác biệt giữa lý thuyết phi tuyến tính và âm vị học đoạn tính (cổ điển) là ở kích cỡ âm vị. Tiếng Việt cùng các tiếng Đài Loan, Trung Quốc, Nhật... là ngôn ngữ đơn lập, tức là hình thái của từ không biến đổi. Theo truyền thống, tiếng Việt được xem là đơn tiết tính bởi vì hầu hết từ tiếng Việt là từ đơn tiết.

ABSTRACT

Cao Xuan Hao said that the theory of traditional phonological is generalized from evidences of Indo-European languages. Traditional phonological assumes that phonemes are cut from a single syllable. In contrast, according to conception of contemporary phonetics, Cao Xuan Hao said that syllables contain Vietnamese non-linear characteristics that is syllable can't be divided into smaller segments. This claim nonlinear syllable is a phonetic judgment not a phonemic conclusion. The difference between theory of nonlinear and segmental phonology (classic) is size of phonemes. Vietnamese language with Taiwan, China, Japan... are isolating languages, that is the form of word does not change. Traditionally, Vietnamese language is considered monosyllable because most Vietnamese words are monosyllabic words.

1. Đặt vấn đề

1.1. Hạn chế của cách phân tích tuyến tính

Trên bình diện lý thuyết, Cao Xuân Hạo phản đối cách phân tích tuyến tính, định vị các nét khu biệt vào từng âm đoạn nói chung vì không lý giải được nguyên do ngôn ngữ học của cách làm này.

Theo ngữ âm học truyền thống Ấn-Âu

thì các âm tố được xem như những khúc đoạn nhỏ nhất có thể tách ra về mặt thính giác. Còn âm vị là sự khái quát hoá dựa trên kết quả nghiên cứu âm tố. Các nhà nghiên cứu ngôn ngữ sử dụng thủ pháp phân xuất âm vị học để lập ra hệ thống âm vị của một ngôn ngữ. Đối với tiếng Việt, các nhà ngôn ngữ đã áp dụng lý thuyết âm vị học cổ điển để phân xuất các âm vị từ các âm tố. Các âm vị luôn là những “khúc đoạn” (đoạn tính) được nối tiếp nhau trên trục thời gian và có ranh giới rõ ràng. Đoạn tính là khả năng chuyển đổi vị trí trước sau giữa các đơn vị ngữ âm, nghĩa là các đơn vị này có

*Thạc sĩ, Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn, Trường Đại học Cửu Long

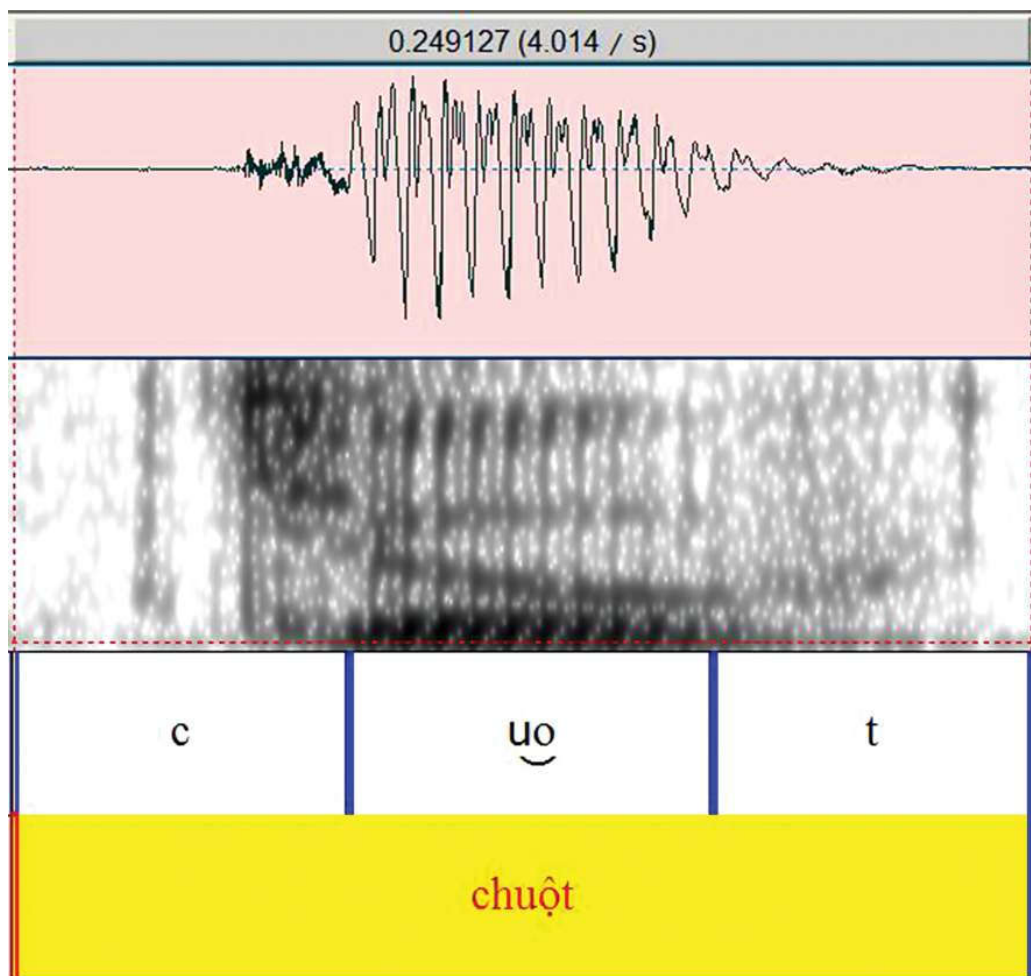
tham gia vào sự đối lập về trật tự (như *act* so với *cat* trong tiếng Anh).

Âm vị học cổ điển có cơ sở nền tảng là khái niệm âm tố. Theo Cao Xuân Hạo, âm tố “*như một vật có thật, một khúc âm thanh được cắt rời sẵn ra trong ngữ lưu, với những nét cắt đứt khoát đến nỗi tất cả các thứ tiếng tất nhiên phải sử dụng nó làm chất liệu cho đơn vị âm vị học cơ bản.*” [2:111]

Tuy nhiên, một số nhà ngữ âm học đã chứng minh được sự phân chia ngữ lưu thành các âm tố là một hiện tượng chủ quan và nằm trong lĩnh vực âm vị học (Bloomfield, 1933), các âm tố không hề có sự hiện hữu độc lập nào

trong lời nói (Stetson, 1951), không làm gì có những giai đoạn tĩnh trong khi phát âm, vì “*tất cả đều là vận động và chuyển tiếp*” (Menzerath & Lacerda, 1934), các chiết đoạn âm học không tương ứng với các âm vị (Fant, 1960).

Khi phân tích thực nghiệm ngữ âm, chúng tôi nhận thấy không có sự tương ứng một đối một giữa phiên âm âm vị trên ảnh phổ với âm thanh thực tế. Khi chọn âm đoạn /u^o/ trong hình bên dưới, chúng tôi sẽ nghe là “chuột” chứ không phải uô. Các nhà nghiên cứu ngôn ngữ như Schatz 1954, Malécot 1954, Fischer Jogersen 1956, Dulckelski 1962 đều xác nhận là không có sự đồng nhất giữa các đoạn bằng từ được cắt với âm thanh nghe được.



Hình 1: Ảnh phổ của âm tiết “chuột” phân tích từ phần mềm Praat.

Trong âm tiết “chuột”, khi chọn âm đoạn [u_o], chúng tôi nghe được âm “chuột” chứ không phải “uô”. Suy ra, mô hình CVC của tiếng Việt luôn được nghe là CVC mặc dù chỉ chọn đoạn V.

Khi cắt dán các đoạn âm thì kết quả là âm được cắt không phản ánh đúng âm tố được phiên âm. Nếu cắt phụ âm “m” khỏi âm “ma” thì ta sẽ nghe là “pa” chứ không phải “a”. Nếu dán âm “n” thay cho “m” thì ta sẽ có “ma” chứ không phải “na”.

Có thể nói, hiệu quả âm học của những động tác chuyển tiếp không những gây trở ngại cho việc nhận diện âm tiết mà còn không thể thiếu. “*Những âm chuyển tiếp “kí sinh” thường mang nhiều thông tin hơn hẳn giai đoạn tĩnh của các âm tố*”. [2 : 119]

Đối với các phụ âm tắc cuối âm tiết trong các ngôn ngữ âm tiết tính ở Đông Nam Á thì nguyên âm đi trước chứa đựng tất cả thông tin về vị trí cấu âm của nó (Karlsgren, 1926).

Tuy nhiên, theo Cao Xuân Hạo, âm tố là khoa học dĩ tiền (préscientifique) nên không thể bác bỏ. Nếu không có bộ khái niệm của âm vị học cổ điển thì chúng ta không thể phân tích ngữ âm học một ngôn ngữ.

1.2. Giả thuyết âm tiết tiếng Việt là âm vị

Nếu như trong các tiếng châu Âu, âm tiết chỉ là đơn vị phát âm và hầu như không đóng vai trò gì trong hệ thống ngôn ngữ, thì trong các ngôn ngữ như tiếng Việt, tiếng Hán, âm tiết là một đơn vị cơ bản của hệ thống ngôn ngữ.

Theo Cao Xuân Hạo, âm tiết tiếng Việt là một chỉnh thể mà về mặt chất liệu âm thanh cũng như về mặt chức năng không cắt khúc ra thành 4 thành tố kế tiếp nhau. Cũng như trong hệ thống

ngữ pháp tiếng Việt, âm tiết là đơn vị ngữ âm cơ bản tối thiểu không chịu sự chia cắt ra thành những cái gì “ngắn” hơn được nữa. Và như vậy, không có những âm vị mang tính “khúc đoạn”.

Ví dụ: âm tiết *đoàn* được miêu tả như sau:

	Âm vị học truyền thống				Ngữ âm học đương đại
Âm tiết	đoàn				đoàn
Âm vị	Thanh huyền				đoàn
	đ	o	a	n	

2. Giải quyết vấn đề

2.1. Cơ sở xác định âm tiết tiếng Việt theo Cao Xuân Hạo

Một khi các yếu tố tạo nên âm tiết đã không có tính âm đoạn (vì không tham gia vào thể đối lập về trật tự trước sau cho nên không thể được cảm thức của người bản ngữ phân xuất thành âm đoạn), thì liệu âm tiết có thể phân tích thành những đơn vị nhỏ hơn không?

Trong một số ngôn ngữ trường âm vị, cấu trúc của âm vị chỉ phức hợp hơn âm vị của các ngôn ngữ đoản âm vị một chút ít thôi, thành thử trường âm vị có thể được định nghĩa bằng những nét khu biệt làm thành định tính của nó, đồng thời là những thành tố trực tiếp của nó. Chẳng hạn, mô hình CV (C: phụ âm, V: nguyên âm) của tiếng Nhật.

Nhưng trong những loại hình ngôn ngữ trường âm vị khác như các ngôn ngữ đơn lập, dù đơn tiết hay đa tiết, đơn hình vị hay đa hình vị thì trường âm vị có cấu trúc phức tạp. Trong tiếng Việt, số nét khu biệt trong một âm vị-âm tiết-hình vị có thể lớn gấp năm lần số nét khu biệt trong một đoản âm vị của tiếng Pháp, nghĩa là tổng số nét có thể là 15.

Trong các ngôn ngữ trường âm vị, các chùm nét khu biệt không có được cương vị cấu trúc mà nó chiếm hữu trong các ngôn ngữ đoạn âm vị nhờ vào khả năng hoán vị của nó.

Căn cứ vào tiêu chí tính quan yếu của trật tự trước sau nhờ cách định nghĩa âm vị được lập thức lại và bổ sung thêm một tiêu chí nữa là tính hình vị (hiện thực hay tiềm năng) hay tính bất khả phân hình thái học (có thể dùng để củng cố hay chinh lý tiêu chí trên). Kích thước của cái đại lượng ngữ âm học thể hiện âm vị có thể khác nhau tùy theo từng ngôn ngữ và cái mà người ta gọi là âm tố chỉ có được cương vị âm vị trong một số ngôn ngữ thuộc một loại hình nhất định mà thôi.

Chùm nét khu biệt tham gia vào cấu tạo âm tiết có thể trùng khớp ít nhất một phần với các âm tố của ngữ âm học cổ điển: vấn đề là tập hợp nét khu biệt này có thể nhờ những nhân tố nào khác với tính quan yếu của trật tự trước sau mà có được tính toàn vẹn và một tính độc lập nào đó.

Nhà Việt ngữ học Cao Xuân Hạo đề xuất một mô hình cấu trúc âm tiết phi tuyến như sau: Âm tiết được miêu tả như một tổ hợp phi tuyến tính gồm sáu yếu tố phi âm đoạn “chuỗi vào nhau”, trong đó ba yếu tố đầu được thể hiện đồng thời:

1. Thanh điệu (âm vực cao hay thấp, âm điệu bằng hay trắc, có điểm tắc thanh hầu hay không)

2. Âm sắc chủ đạo (bổng, trầm hay trung; giữ đều hay chuyển sắc)

3. Thanh lượng (mức độ “đặc” hay độ mở)

4. Khởi âm (đặc trưng phụ âm tính của cách mở đầu âm tiết; “thăng” hay “giáng”)

5. Kết âm (đặc trưng phụ âm tính hay bán nguyên âm tính kết thúc âm tiết)

6. Tiếp xúc chặt hay lỏng giữa 4 và 5.

Theo Nguyễn Quang Hồng, nếu tính tuyến tính được thừa nhận là định tính của âm vị, thì âm vị của tiếng Việt sẽ là âm tiết. Ngược lại, nếu thừa nhận tập hợp nét khu biệt làm thành những “âm tố” (có thể coi là âm vị nếu chứng minh được tính độc lập hình thái học) thì thanh điệu, âm đầu và vần sẽ là những âm vị của tiếng Việt như trong lý thuyết của M.V.Gordina.

2.2. Về kích thước của âm tiết tiếng Việt

Theo giả thuyết của Cao Xuân Hạo, âm vị tiếng Việt thuộc loại trường âm vị. Hiện nay vấn đề này chưa giải quyết được ở quy mô lý luận đại cương. Cương vị ngôn ngữ học của những yếu tố làm thành phần trực tiếp của trường âm vị phải được xác lập cho từng trường hợp cụ thể, căn cứ vào những sự kiện cấu trúc đặc thù của ngôn ngữ đang xét. Âm vị học cổ điển xây dựng một hệ thống lý luận cho phép liệt kê đầy đủ và giản dị những sự khu biệt quan yếu dưới dạng danh sách đơn vị tiết kiệm được ghi bằng văn tự đơn giản và tiện dụng (bảng phiên âm IPA).

Các ngôn ngữ trường âm vị và các ngôn ngữ đoạn âm vị khác nhau một cách sâu xa về cách tổ chức và sử dụng chất liệu âm thanh, và từ đó khác nhau một cách sâu xa trên nhiều bình diện khác của hệ thống ngôn ngữ.

Không phải ngẫu nhiên mà người Hy Lạp đã xây dựng một hệ thống văn tự phản ánh một cách gần như hoàn hảo một hệ thống đoạn âm vị hơn hai ngàn năm, trước khi có một phương pháp phân tích âm vị học hiện ngôn,

trong khi người Trung Quốc, vốn có nền văn minh không kém phần rực rỡ và trước người Hy Lạp hàng ngàn năm đã có một truyền thống ngữ văn học về vang.

Các ngôn ngữ trường âm vị chắc chắn là chiếm đa số trong các ngôn ngữ và mặt khác ngay trong các ngôn ngữ đoản âm vị thì âm tiết vẫn là cái đại lượng ngữ âm dễ phân xuất nhất khi một hệ thống văn tự đã chọn nguyên tắc lấy ngữ âm làm đối tượng biểu hiện của chữ viết.

Tình hình tiếng trường âm vị tiếp thu một hệ thống chữ viết đoản âm vị diễn ra thuận lợi. Đây là sự ứng dụng hệ thống chữ cái La tinh ở nước ta. Cách viết đoản âm vị có đủ khả năng phản ánh tất cả những sự khu biệt quan yếu có thể có được trong một ngôn ngữ âm tiết tính. Trật tự trước sau của âm tiết được tôn trọng theo kiểu chữ viết này, các đường biên giới hình thái học trùng với những đường biên giới âm tiết, đều có thể được đánh dấu bằng các phương tiện quen thuộc mà các ngôn ngữ đoản âm vị và phi âm tiết tính vẫn dùng để đánh dấu biên giới từ: những khoảng hở. Ví dụ: trong chuỗi âm tiết *tết Trung Thu*, có khoảng hở giữa các âm tiết. Ngay cả sự phân biệt phụ âm bật ra và khép vào cũng được chỉ rõ bởi khoảng hở (một chữ cái chỉ phụ âm đặt trước một khoảng hở biểu thị một phụ âm khép vào; cũng chữ cái ấy đặt sau một khoảng hở biểu thị một phụ âm bật ra), ví dụ: phụ âm đầu “t” bật ra và phụ âm cuối “t” khép vào trong từ *tết*.

Tất cả các nét khu biệt làm thành đặc trưng ngữ âm của một âm tiết đều có thể tập hợp lại thành những “âm tố” và những “thanh điệu”. Các “âm tố” được biểu thị bằng những chữ cái, các “thanh điệu” được biểu thị bằng những dấu khu biệt đặt ở bên trên hay bên dưới dòng chữ (dấu thanh).

2.3. Giả thuyết âm vị-âm tiết tiếng Việt

Thay vì một lí thuyết xoay quanh âm vị-âm tố, Cao Xuân Hạo đưa ra một lí thuyết xoay quanh âm vị-âm tiết. Đơn vị âm vị học cơ bản này sẽ được định nghĩa là “*đơn vị âm vị học đoạn tính nhỏ nhất*”. Người ta sẽ nhấn mạnh rằng “*các âm vị (các âm tiết) kế tiếp nhau trong thời gian như thế nào mà âm vị đi trước kết thúc đúng vào cái điểm mà âm vị đi sau bắt đầu trong khi các yếu tố khu biệt của âm vị (âm tiết) chồng lên nhau, đan vào nhau như thế nào mà không thể phân nó ra bằng những biên giới thẳng góc với trục thời gian như có thể làm đối với các âm vị.*”

Âm vị học cổ điển hình dung âm vị như được thực hiện trong âm tố còn lí thuyết âm vị-âm tiết hình dung âm vị như được thực hiện trong âm tiết. Âm tiết mới là âm đoạn nhỏ nhất. Trong ngữ lưu, chỉ có các âm tiết mới nối tiếp nhau mới tạo thành tuyến. Chỉ trong âm tiết, các nét khu biệt mới được thực hiện đồng thời, hay ít nhất là gần đồng thời, nghĩa là trong cùng một động tác cấu âm do cùng một hiệu lệnh của trung khu thần kinh. Âm tiết mới là đại lượng cho sẵn trong tự nhiên, còn âm tố chỉ có thể phân xuất từ một dữ liệu liên tục bằng cách phiên âm âm vị học.

Tuy nhiên lí thuyết trường âm vị cũng rơi vào chủ nghĩa chất liệu như lí thuyết đoản âm vị hiện hành, vì các khái niệm của nó, được định nghĩa bằng chính những thuật ngữ ngữ âm học, chứ không phải bằng những định tính ngôn ngữ học, nghĩa là định tính về chức năng và cấu trúc, không thể có tính phổ quát được. Nhưng sự phù hợp gần như hoàn toàn giữa cách phân tích bằng trực giác được lấy làm cơ sở cho lí thuyết âm vị học âm tiết tính với sự phân đoạn tự nhiên của ngữ lưu ra thành những âm tiết ngôn âm học, luôn luôn được xác nhận trong thực nghiệm ngữ âm.

Âm vị với tính cách là một khái niệm ngôn ngữ học, không thể được định nghĩa bằng cách quy về âm tiết hay bất kì một đại lượng vật chất nào khác, cũng không thể căn cứ vào một thuộc tính ngôn âm học nào như tính chiết đoạn hay tính kế tiếp, mà phải căn cứ vào chức năng khu biệt và cương vị (cấp bậc) trong hệ tôn ti của ngôn ngữ đang xét: có như thế nó mới đạt tính phổ quát chân chính.

Cho tới nay các nhà ngữ học vẫn tin chắc ở hiệu lực vạn năng của âm vị học cổ điển, vốn đặt toàn bộ cơ sở trên “âm tố”. Tính hiện thực của âm tố được hình dung như một vật có thật và tách ra khỏi các vật tương đương, hiện ra quá rõ nét trong tâm thức của người bản ngữ tiếng Âu châu. Âm tố là một trong những “nguyên thủy” (primes). Nó là khoa học dĩ tiên (préscientifique) cho nên không ở trong tầm xác nhận hay bác bỏ của khoa học.

Thật ra, “âm tố” là một ảo ảnh chỉ nhờ cương vị ngôn ngữ học của cái đơn vị ấy mà hiện hình trong trí não người bản ngữ của một thứ tiếng đoán vị.

Ví dụ: cắt phần có tiếng động của phụ âm đầu và phụ âm cuối của một âm tiết thuộc mô hình CVC, chỉ để lại phần V có tiếng thanh. Kết quả ta nghe được âm tiết CVC trọn vẹn, tuy các phụ âm bây giờ không còn như cũ (tất cả các phương thức cấu âm của phụ âm đều thay bằng phương thức [tắc, vô thanh]).

Nếu cắt âm đoạn phụ âm [m] khỏi âm tiết [mo], ta sẽ có [po] chứ không phải [o] như dự đoán; nếu dán một âm đoạn [n] vào thay cho [m], ta sẽ lại nghe [mo] chứ không phải [no]. Không thể thao tác bên trong âm tiết, dù chọn điểm nào, những lát cắt ngang tuyến thời gian mà kết quả lại tương ứng với cách phân đoạn

ra thành từng âm tố do nhà ngữ âm học thực hiện trên giấy với những kí hiệu phiên âm.

Hơn nữa, không thể phát âm các âm tố phụ âm mà không có sự kết hợp với âm tố nguyên âm. Ví dụ: phụ âm [b] được phát âm thành *bờ*. Dù phát âm thật chậm, chúng tôi cũng chỉ nghe được là *bờ* mà không phải là *b*.

Kết quả các cuộc nghiên cứu tương tự cho thấy rằng, hiệu quả âm học của những động tác gọi là chuyển tiếp không những không gây trở ngại cho việc nhận ra diện mạo của âm tiết mà còn không thể thiếu được. Những âm chuyển tiếp “kí sinh” thường mang nhiều thông tin hơn hẳn giai đoạn tĩnh của các âm tố-giai đoạn này nhiều khi không cho biết chút gì về âm tố hữu quan, chỉ trừ trường hợp các nguyên âm dài và các phụ âm sát. Có những phụ âm tắc, mũi, bên, sở dĩ nhận diện được, chủ yếu là nhờ những nét đặc trưng chứa trong âm đoạn thường gán cho nguyên âm “kế cận”, dưới dạng những sự chuyển sắc của nguyên âm do động tác chuyển tiếp của các khí quan phát âm ở các giai đoạn “tiền” hay “lùi” của phụ âm (Mattingly 1971; Fischer - Jorgensen 1974; Stevens 1973; Cole & Scott 1974). Đặc biệt, với các phụ âm tắc cuối âm tiết không có giai đoạn “lùi” (hay “buông”) như trong các ngôn ngữ âm tiết tính ở Đông Nam Á, thì âm đoạn nguyên âm đi trước chứa đựng tất cả các thông tin về vị trí cấu âm của nó (Karlgren 1926).

Trên bình diện cấu âm hay âm học, ngữ lưu đều cho thấy một sự chuyển động liên tục, chứ không phải là một loạt những giai đoạn tĩnh tại liên tiếp được nối với nhau bằng những động tác chuyển tiếp. Các âm tố làm thành một âm tiết không hề được phát ra lần lượt âm trước âm sau mà cũng không được nghe lần lượt như thế.

Chẳng hạn khi phát âm âm tiết [blu], việc chúm tròn hai môi và nâng gốc lưỡi lên gần khẩu mạc để phát âm [u] cũng như việc đưa đầu lưỡi lên tiếp xúc với răng cửa trên đều

được thực hiện cùng một lúc với việc khép môi lại và cho dây thanh rung để cấu âm phụ âm tắc [b]. Ta có thể bố trí các yếu tố của âm tiết trong thời gian bằng giản đồ sau đây:

B ———

L ———

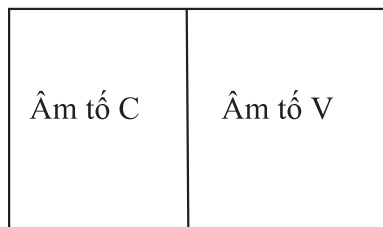
U ———

Thay cho giản đồ cổ điển là:

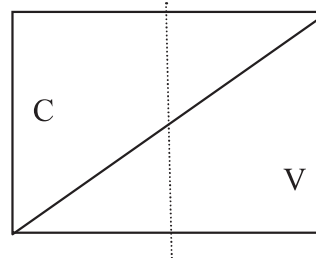
B-L - U

So sánh hai sơ đồ bên dưới:

ngữ âm học cổ điển



ngữ âm học đương đại



Hình chữ nhật bên trên tượng trưng cho âm tiết, đường kẻ thẳng đứng ở giữa là ranh giới của âm tố (theo quan niệm cổ điển). Tuy nhiên, ngữ âm học đương đại cho rằng, ranh giới giữa C và V là đường chéo. Ví dụ: trong âm tiết [pu], âm đoạn thứ nhất [p] ngoài những đặc trưng về phương thức cầm âm của âm tố phụ âm (tắc, vô thanh), còn chứa một số đặc trưng của âm tố nguyên âm (hẹp, tròn môi, hàng sau); âm đoạn thứ hai [u] ngoài đặc trưng (hẹp, tròn môi, hàng sau), còn chứa một số đặc trưng của âm tố phụ âm, đó là cử động mở có tác dụng cho biết cấu âm của phụ âm (tính hai môi).

Trên quan điểm tâm lý học, cách tri giác âm tiết như một đơn vị không có kích thước thời gian là tự nhiên hơn so với cách tri giác nó như một loạt âm đoạn kế tiếp nhau.

Trên bình diện âm học, người ta có thể phân tích thông điệp âm học ra thành những yếu tố phân lập kết hợp với nhau thành tuyến. Người nghe sẽ chuyển dịch nó ra thành một loạt giai đoạn cấu âm tĩnh (giai đoạn giữ) bằng cách “*phân bố lại các nét khu biệt dọc theo trục thời gian sao cho những nét khu biệt của mỗi âm tố được đặt đúng vào cái chiết đoạn chứa đựng giai đoạn giữ của nó*” (M. Joos 1948:123). Chẳng hạn khi người nghe nhận thấy trong giai đoạn giữ của nguyên âm trong một âm tiết CV hay VC có những nét chuyển sắc (những nét uốn của các formants nguyên âm) tiêu biểu của phụ âm răng, người ấy sẽ loại suy (extrapolation) để biết tư thế của đầu lưỡi trong giai đoạn giữ của phụ âm kế cận (không dùng cho phụ âm tắc hay phụ âm mũi); trong khi đó âm sắc trầm của toàn âm tiết (do

tư thế gần khẩu mạc của gốc lưỡi và tư thế chún tròn môi, vốn thường kéo dài suốt âm tiết) sẽ được người nghe đặt đúng vào âm đoạn nguyên âm làm thành đỉnh âm tiết, và chỉ âm đoạn này mà thôi.

Nói cách khác, những đặc trưng âm học của âm tố, những hiệu quả gần như đồng thời của những cử động và những tư thế chuỗi vào nhau và chổng chéo lên nhau trong âm tiết, thay vì được nhận diện trực tiếp đúng ở chỗ của nó, lại chỉ được người nghe sử dụng như những dấu hiệu gián tiếp để từ đó suy ra những tư thế tĩnh vốn làm thành một chuỗi kế tiếp phân rõ trước sau hơn.

Trường hợp mở hay khép của phụ âm kéo dài đến mức vượt qua điểm giữa của âm đoạn nguyên âm và cũng có khi phủ hết cả âm đoạn này. Ví dụ: nguyên âm /a/ do ảnh hưởng của hai phụ âm đồng vị kế cận, ép nó vào giữa khiến cho nó nghe như [ɛ] trong khi một âm vị /ɛ/ khác cũng được phát âm như vậy trong một chu cảnh khác.

Âm tiết là đại lượng phân lập rõ ràng nhất, có khả năng làm đơn vị ngôn ngữ dễ dàng nhất. Nhưng trong các ngôn ngữ phi âm tiết tính, nó chỉ là một đại lượng vật chất làm bệ đỡ cho việc nhận diện các đơn vị ngôn ngữ: âm vị, hình vị, từ, ngữ. Nghe một âm tiết hay một chuỗi các âm tiết, người bản ngữ nhận diện ra các hình vị, từ, ngữ, câu nhưng không quan tâm đến âm tiết. Ví dụ: *see* (1 âm tiết), *study* (2 âm tiết), *somebody* (3 âm tiết), *internation* (4 âm tiết).

Trong các ngôn ngữ âm tiết tính, thông thường thì ranh giới âm tiết trùng với âm vị, với hình vị và với từ. Từ đơn gồm có một âm tiết và âm tiết là đơn vị nhỏ nhất về thời gian. Nguyễn Quang Hồng đã tổng hợp những tư

tưởng phân tích âm vận học Trung Quốc với những tư tưởng của Shcherba, Dragunov và Gordina nhưng chưa đúc kết được hệ quả tính phi tuyến của cấu trúc âm tiết. Khắc phục thiếu sót này, Cao Xuân Hạo rút ra hệ quả như sau: *“một khi âm tiết đã là âm đoạn tự nhiên ngắn nhất, như hàng trăm công trình ngữ âm học thanh học đã chứng minh, mà lại không bị những biên giới hình thái học cắt ra thành những âm vị “đoạn tính” (“âm tố”) như trong tiếng Âu châu thì tất nhiên phải kết luận rằng nó không thể chia thành những âm đoạn ngắn hơn nữa, nghĩa là trong cấu trúc của nó không thể có những yếu tố kế tiếp nhau...”* [2 : 305]

Jakobson cho rằng *“dạng thức âm tiết duy nhất phổ biến trong tất cả các thứ tiếng là dạng ‘phụ âm + nguyên âm’”*. Điều này hoàn toàn đúng nhưng với điều kiện nguyên âm và phụ âm ở đây được hiểu là thuật ngữ ngữ âm học thuần túy, biểu thị những thuộc tính sinh lí và vật lí, chứ không phải là đơn vị ngôn ngữ học. Trong một ngôn ngữ có đơn vị nhỏ nhất là âm tiết thì sẽ không có nguyên âm và phụ âm với tư cách âm vị.

3. Kết luận

Tính phi tuyến của âm tiết tiếng Việt được hiểu là không thể phân xuất âm tiết thành những âm tố. Âm tiết là đơn vị nhỏ nhất mà người bản ngữ có thể tự chia tách ra từ ngữ lưu. Nhưng âm vị lại được khái quát hoá từ âm tố của một ngôn ngữ theo cách hiểu truyền thống.

Việc phủ nhận âm tố là điều không thể bởi vì bản thân khái niệm này cũng có ưu điểm khi ứng dụng vào ngôn ngữ Ấn-Âu. Đối với tiếng Việt, cần có cách nhìn nhận chính xác hơn để miêu tả toàn diện đặc điểm tiếng Việt. Đa phần các nhà ngôn ngữ học hiện đại chọn hướng nghiên cứu đối tượng “từ bên trong

bản thân nó”. Đứng ở góc độ ngữ âm học, với nhu cầu phản ánh trung thực đơn vị âm thanh ngôn ngữ thì lí thuyết âm vị-âm tiết dùng để phân tích ngữ âm tiếng Việt thấu đáo hơn lí thuyết âm vị học cổ điển. Lí thuyết âm vị-âm tiết có cơ sở là bộ khái niệm của âm vị học cổ điển nhưng sẽ có sự điều chỉnh ở cách hiểu âm tiết, âm vị tùy theo loại hình ngôn ngữ. Bởi vậy, quan điểm của Cao Xuân Hạo về âm tiết tiếng Việt rất phù hợp với cảm nhận của người bản ngữ.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Nguyễn Thiện Giáp, *777 Khái niệm Ngôn ngữ học*, NXB Đại Học Quốc Gia Hà Nội, 2010.
2. Cao Xuân Hạo, *Âm vị học và tuyến tính, suy nghĩ về những định đề của âm vị học đương đại* NXB Đại học Quốc gia Hà Nội, 2004.
3. Cao Xuân Hạo, *Tiếng Việt mấy vấn đề ngữ âm, ngữ pháp, ngữ nghĩa*, NXB Giáo Dục, 2007.
4. Z. S. Harris, *Những phương pháp của Ngôn ngữ học cấu trúc*, NXB Khoa học Xã hội, 2006.
5. Ferdinand de Saussure, *Giáo trình ngôn ngữ học đại cương*, (Cao Xuân Hạo dịch), NXB Khoa Học Xã Hội, 2005.

Ngày nhận bài: 26/2/2015

Ngày gửi phản biện: 24/6/2015